

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 10-3-2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Điều Phương
2. Ông Tạ Đình Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983

**Bị đơn:** Chị Phạm Thị M(Phan Thị M), sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị M sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 và không có đăng ký kết hôn. Trong năm 2004 anh chị rời quê nhà ở Cần Thơ lên thị trấn Phước Bình, huyện Phước Long(cũ) nay là khu phố 9, phường Long Phước, TX Phước Long để lập nghiệp. Vợ chồng anh chị sinh sống ổn định tại khu phố 9, phường Long Phước, TX Phước Long cho từ năm 2004 đến nay (đã có nhà ở tại khu phố 9, phường Long Phước, TX Phước Long). Từ năm 2010 đến nay, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị

M thường xuyên bỏ nhà đi, thi thoảng về thăm con một vài ngày rồi lại đi. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Phước Long giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Thu Thanh sinh ngày 29/10/2004; Nguyễn Văn Sang sinh ngày 13/09/2007; Nguyễn Thị Thu Thủy sinh ngày 17/05/2009. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị M đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không lý do nên không có ý kiến trình bày của chị M.*

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn theo quy định.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị M và giải quyết về con chung. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 9, phường Long Phước, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[1.2] Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị M đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng chị M vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Được và chị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Được, Hội đồng xét xử xét thấy anh Được và chị M không đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay anh Được có yêu cầu ly hôn với chị M thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 53 luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: anh Được và chị M có 03 người con chung Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 29/10/2004; Nguyễn Văn S sinh ngày 13/09/2007; Nguyễn Thị Thu Th sinh ngày 17/05/2009. Từ năm 2010 đến nay, chị M thường xuyên bỏ nhà đi, các con chung T, S và Th do anh Được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung được học hành và phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung cho anh Được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn anh Được không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Được và chị Phạm Thị M(Phan Thị M).

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 29/10/2004; Nguyễn Văn S, sinh ngày 13/09/2007; Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 17/05/2009 cho anh Được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Được đã nộp theo Biên lai thu số 0008032 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

*“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TA, VKS tỉnh Bình Phước;
- VKS TX. Phước Long;
- Chi cục THA TX Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Phạm Thị Tịnh**



